

Biểu số: 21b/TP/HTPLDN

Ban hành kèm theo Thông tư số
17/2025/TT-BTP

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC sơ bộ 6 tháng: ngày 20 tháng 6 năm
báo cáo

BC sơ bộ năm: Ngày 20 tháng 11 năm
báo cáo

BC tròn năm: Ngày 20 tháng 01 năm
sau

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÔNG TÁC HỖ TRỢ
PHÁP LÝ
CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI UBND
CẤP TỈNH**

(Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm)

Kỳ báo cáo:

(Từ ngày tháng..... năm
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp...

**Đơn vị nhận báo
cáo:**

Bộ Tư pháp (Cục Kế
hoạch - Tài chính)

ST T	Sở/ban/ ngành	Số tư vấn viên pháp luật được kiện toàn, công bố, công khai (Người i)	Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp				Kinh phí dành cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (Đồng)		Gh i ch ú
			Số cuộc tập huấn, bồi dưỡn g kiến thức pháp luật (Cuộ c)	Số hội nghị đổi thoại, diễn đàn được tổ chức (Cuộ c)	Kết quả đăng tải văn bản trả lời doanh nghiệp (Văn bản)	Số hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật (Hồ sơ)	Kinh phí từ ngân sách Nhà nước	Kin h phí xã hội hóa	

[illegible]

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú:

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

.....ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 21b/TP/HTPLDN

(Kết quả triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa)

1. Khái niệm, phương pháp tính

- Khái niệm “tư vấn viên pháp luật”: là các luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tư vấn viên pháp luật, trung tâm tư vấn pháp luật đủ điều kiện hành nghề tư vấn pháp luật theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định phê duyệt danh sách tư vấn viên pháp luật trên địa bàn và công bố công khai, đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận đề nghị tư vấn pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 3 và Điều 9 của Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; khoản 1 Điều 39 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Khái niệm “Văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp”: là các văn bản được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành, cập nhật và đăng tải lên cổng thông tin điện tử của mình để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong áp dụng chung về pháp luật trong phạm vi địa phương (không áp dụng đối với các yêu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa về vụ việc cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp) theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

- Khái niệm “Văn bản tư vấn pháp luật của mạng lưới tư vấn viên pháp luật”: là các văn bản tư vấn pháp luật của các tư vấn viên pháp luật đối với các vụ việc, vướng mắc pháp lý theo yêu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Khái niệm “hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật”: là hồ sơ của doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi đến UBND cấp tỉnh đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật về vụ việc, vướng mắc của mình sau khi thỏa thuận dịch vụ tư vấn pháp luật với tư vấn viên pháp luật theo quy trình, thủ tục do UBND tỉnh quy định (căn cứ khoản 3 Điều 39 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP).

2. Cách ghi biểu

Cột 11: Ghi tổng số kinh phí hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật đã thanh toán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong trường hợp hồ sơ đáp ứng điều kiện, với định mức theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 55/2019/NĐ-CP; khoản 3 Điều 39 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP.

Cột 12: Ghi tổng số kinh phí ngân sách nhà nước bố trí cho việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu pháp luật; trả lời vướng mắc pháp lý; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật; hội nghị, diễn đàn đối thoại, giải quyết các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp và các hoạt động tư vấn pháp luật khác phù hợp với các quy định của pháp luật; xây dựng các tài liệu phục vụ công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp...), không bao gồm kinh phí đã được thống kê tại cột (13).

Cột 13: Ghi tổng số kinh phí hợp pháp từ nguồn xã hội hóa, huy động từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp để thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

3. Nguồn số liệu

Biểu số 21b/TP/HTPLDN: nguồn số liệu từ hồ sơ, tài liệu do Sở Tư pháp quản lý và tổng hợp số liệu từ biểu số 21a/TP/HTPLDN.